

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2026/DS-ST

Ngày: 14 – 5 – 2026

Về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 -TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Minh;

2. Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88 ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh T T1 H, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13E/2, khu phố 33, phường T, Thành phố H.

Tạm trú: khu phố H3, phường T1, tỉnh T2 - (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn T T2 N2, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố H3, phường T1, tỉnh T2 - (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn V C, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố H, phường T1, tỉnh T2 - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2025 và đơn sửa đổi bổ sung ngày 30 tháng 7 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh T T1 H trình bày:

Giữa chị và vợ chồng bà N2, ông Chưa không có họ hàng gì chỉ quen biết với nhau. Chị có tham gia góp 02 dây hụi do bà N2 chủ thảo, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi thứ nhất: 3.000.000 đồng, hụi khai 15/3/2023 (dl), hụi gồm 20 phần, mãn ngày 15/10/2024. Dây hụi này chị tham gia 01 phần ghi tên em H số thứ tự 14. Dây hụi này chị đóng được 19 kỳ hụi sống đến kỳ thứ 20 hốt chót số tiền 57.000.000 đồng trừ huê hồng 1.200.000 đồng, còn lại 55.800.000 đồng, bà N2 đã đưa trước cho chị 5.000.000 đồng, còn lại 50.800.000 đồng chưa đăng cho chị.

2/ Dây hụi thứ hai: 3.000.000 đồng, hụi khai 10/5/2024(dl), hụi gồm 17 phần, mãn ngày 10/9/2025. Dây hụi này chị tham gia 01 phần ghi tên (H trợ Trúc) số thứ tự 15. Dây hụi này chị đóng được 06 kỳ hụi sống đến kỳ thứ 7 thì bà N2 tuyên bố bế hụi, dây hụi này kê trung bình 1.300.000 đồng, hụi viên đóng 1,700.000 đồng, như vậy dây hụi này bà N2 nợ chị số tiền 10.200.000 đồng, trong khi đó trừ tiền chị nợ 2.000.000 đồng, sau khi trừ xong dây hụi này bà N2 còn nợ chị 8.200.000 đồng.

Ngày 10/11/2024 bà N2 tuyên bố bế hụi, tổng cộng hai dây hụi bà N2 nợ chị số tiền 59.000.000 đồng.

Nay chị Huỳnh T T1 H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T T2 N2 và chồng là ông Nguyễn Văn Chưa trả cho chị H số tiền là 59.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn T T2 N2 trình bày:

Bà và chị H không có họ hàng gì, không có mâu thuẫn gì chỉ quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi. Bà làm chủ thảo hụi, chị H là hụi viên. Chị H tham gia 02 dây hụi 3.000.000 đồng do bà làm chủ, chị H chưa hốt, ngày 10/11/2024 bà tuyên bố bế hụi, bà nợ chị H tổng cộng 59.000.000 đồng.

Lý do bà bế hụi là do các hụi viên hốt hụi mà không đóng cho bà và bà choàng không nổi nên ngày 10/11/2024 bà tuyên bố bế hụi.

Chồng bà N2 tên Nguyễn Văn Chưa, sinh năm 1963, vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 1988 hiện nay vợ chồng bà N2 còn sống chung và sinh hoạt kinh tế gia đình chung. Bà làm chủ thảo hụi ông Chưa cũng biết do H thối hụi tại nhà bà.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu bà N2 và ông Chưa cùng trả cho chị H số tiền 59.000.000 đồng thì bà đồng ý cùng ông Chưa trả số tiền trên cho chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn V C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn: thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 và 72 của BLTTDS.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70 và 73 của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh T T1 H đối với bà Nguyễn T T2 N2 và ông Nguyễn Văn Chưa về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

Buộc bà Nguyễn T T2 N2 và ông Nguyễn V C có trách nhiệm liên đới trả cho chị Huỳnh T T1 H số tiền góp hội là 59.000.000 đồng.

Ghi nhận chị Huỳnh T T1 H không yêu cầu tính lãi suất.

- Dương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị H, bị đơn bà N2 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, bà N2 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn V C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả số tiền 59.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

[2.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị H đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là danh sách hội viên, sau khi bề hội ngày 10/11/2024 bà N2 cũng thừa nhận còn nợ chị H số tiền 59.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà N2 có nợ chị H số tiền góp hội là 59.000.000 đồng, do bà N2 là chủ hội bị bề hội chưa thanh toán lại cho chị H số tiền 59.000.000 đồng là vi phạm Điều 18, Điều 23. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

[2.3] Xét nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ thấy rằng: bà N2 làm chủ thảo hui, ông Chưa chồng bà N2 biết vì H thàng khai hui tại nhà bà N2, mặt khác, bà N2 trình bày bà làm chủ thảo hui nhằm mục đích sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, toàn bộ chi phí sinh hoạt gia đình do bà N2 lo. Ông Nguyễn Văn Chưa đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, có cơ sở nhận định ông Chưa biết mà không phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Do đó, việc chị H yêu cầu ông Chưa cùng bà N2 trả tiền góp hui là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị H không yêu cầu tính lãi đối với tiền góp hui nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận nên bà N2, ông Chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí được tính như sau:

$59.000.000 \times 5\% = 2.950.000$ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Huỳnh T T1 H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.475.000 (một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004313 ngày 09 tháng 3 năm 2026 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004625 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh T T1 H đối với bà Nguyễn T T2 N2 và ông Nguyễn V C về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

Buộc bà Nguyễn T T2 N2 và ông Nguyễn V C có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh T T1 H số tiền góp hui là 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng.

Ghi nhận chị Huỳnh T T1 H không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn T T2 N2 và ông Nguyễn V C phải chịu 2.950.000 (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho chị Huỳnh T T1 H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.475.000 (một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004313 ngày 09 tháng 3 năm 2026 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004625 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: chị H, bà N2, ông C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12- Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12- Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Phạm Văn Hảnh**